

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 223/2020/HS-ST
Ngày: 21-7-2020*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 222/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ tên: **Đoàn Thu G** - sinh năm 1983 tại: Tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đình N và bà Đặng Thị M; có vợ Đỗ Thị A và 01 con; tiền án: Ngày 01-02-2018 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16-11-2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23-4-2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 29-4-2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Đào Thị O, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 1023 đường L, xã V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03-4-2020, Đoàn Thu G đến thuê phòng tại nhà nghỉ Hướng Dương, thôn A, xã V, thành phố Đ của vợ chồng anh Nguyễn Xuân Tuấn A và chị Đào Thị O. Tuy nhiên, khi trả phòng và thanh toán tiền, G còn thiếu 30.000.000 đồng nên đã để lại Căn cước công dân của mình cho anh Tuấn A và hẹn sẽ quay lại trả tiền sau.

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 22-4-2020, G điều khiển chiếc xe máy biển kiểm soát: 18F1-054.18 mượn của bạn là anh Nguyễn Tài H2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xã A, huyện T, tỉnh Nam Định đến nhà nghỉ Hướng Dương. Tại đây, G gặp nhân viên nhà nghỉ là anh Trần Văn H3, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Đ. G nói với anh H2 muốn trả tiền còn thiếu để lấy lại căn cước công dân thì anh H2 bảo H ngồi chờ để gọi điện cho chủ nhà nghỉ đến giải quyết. Lúc này, H đến ngồi ở ghế cạnh quầy lễ tân thì phát hiện chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 Plus của chị O đang cắm sạc tại đầu giường cạnh quầy lễ tân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng việc anh H2 đang thanh toán tiền cho khách thuê phòng, không có người trông coi tài sản, G đã dùng tay trái rút dây sạc ra còn tay phải cầm chiếc điện thoại của chị O bỏ vào túi quần trước bên phải rồi ra lấy xe máy bỏ đi. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, G đi xe máy biển kiểm soát: 18F1-054.18 quay lại nhà nghỉ Hướng Dương. G gặp và trả cho anh Tuấn A số tiền 02 USD và lấy lại căn cước công dân rồi đem xe máy trả cho anh H3. Đến khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày, chị O về nhà nghỉ thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại trên nên đã đến Công an xã Nam Vân để trình báo sự việc.

Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại của chị O, G nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, G điều khiển xe máy biển kiểm soát: 29L9-7576 mượn của bạn là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Nam Định quay lại nhà nghỉ Hướng Dương. G đã xin lỗi, trả lại cho anh Tuấn A chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 Plus và nói sẽ đến cơ quan công an tự thú. Tuy nhiên, sau đó anh Tuấn A đã yêu cầu G ở lại nhà nghỉ và thông báo cho Công an xã Nam Vân đến giải quyết.

Tại Công an xã Nam Vân, G đã tự thú và khai nhận hành vi trộm cắp của mình. Công an xã Nam Vân đã thu giữ chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 Plus do anh Tuấn A giao nộp và tạm giữ của G số tài sản gồm: 01 xe máy biển kiểm soát: 29L9-7576; 01 điện thoại di động Mobell; 01 điện thoại Nokia và 01 đồng hồ kim loại màu vàng (đều đã cũ). Sau đó, Công an xã Nam Vân đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án, vật chứng cùng đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Thu G đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 Plus của chị Đào Thị O như trên.

Ngày 23-4-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 Plus là vật chứng trong vụ án có trị giá 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại chiếc điện thoại di động trên cho chị Đào Thị O. Sau khi nhận lại tài sản, chị O không có đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 29L9-7576 thu giữ của Đoàn Thu G, cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định số máy và số khung của xe. Tại bản Kết luận giám định số 537/KTHS ngày 19-5-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Không xác định được vị trí đóng số khung; số máy không bị tẩy xóa sửa chữa, là số máy nguyên thủy của nơi sản xuất. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu, xác định chiếc xe máy trên không phải là vật chứng của vụ án hình sự khác. Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn T khai mua chiếc xe máy trên của một người không quen biết tại khu vực Cầu V, xã Q, huyện T, tỉnh Nam Định vào năm 2018 với giá 1.500.000 đồng. Khi mua xe, hai bên không viết giấy tờ gì, người bán đã giao Giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh T nhưng quá trình sử dụng anh T đã làm mất. Anh T không biết chiếc xe máy biển kiểm soát: 29L9-7576 của mình không có số khung. Khi được cơ quan điều tra thông báo, anh T có quan điểm không nhận lại chiếc xe máy trên.

Bản cáo trạng số 219/CT-VKSTPND ngày 06-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Đoàn Thu G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại chị Đào Thị O có quan điểm trình bày toàn bộ sự việc như tại cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đoàn Thu G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Đoàn Thu G tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Thu G phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Đoàn Thu G từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đoàn Thu G nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thu G; bị hại là chị Đào Thị O không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Đoàn Thu G phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 22-4-2020, Đoàn Thu G đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 Plus trị giá 4.600.000 đồng của chị Đào Thị O tại khu vực nhà nghỉ Hướng Dương, thôn A, xã V, thành phố Đ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 4.600.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thu G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã ra tự thú. Bị hại chị Đào Thị O có đề nghị xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo Đoàn Thu G là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị đưa ra xét xử nhiều lần về nhiều tội khác nhau nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bản chất coi thường pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có công việc ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại bị hại, bị hại là chị Đào Thị O đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác. Như vậy, vấn đề dân sự trong vụ án đã được giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 29L9-7576 không có số khung là tài sản của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm Đồng Tâm, xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Anh Nguyễn Văn T có quan điểm không nhận lại chiếc xe máy trên nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tài sản gồm: 01 điện thoại di động Mobell; 01 điện thoại Nokia và 01 đồng hồ kim loại màu vàng (đều đã cũ) thu giữ của bị cáo Đoàn Thu G là tài sản cá nhân của bị cáo xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử sẽ trả lại cho bị cáo Đoàn Thu G, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo Đoàn Thu G bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thu G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thu G 01 năm 03 tháng tù (Một năm ba tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 23-4-2020.

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe máy biển kiểm soát: 29L9-7576.

Trả lại cho bị cáo Đoàn Thu G: 01 điện thoại di động Mobell; 01 điện thoại Nokia và 01 đồng hồ kim loại màu vàng (đều đã cũ), song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-7-2020).

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Đoàn Thu G phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Đoàn Thu G, bị hại chị Đào Thị O được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

